

NGHỊ QUYẾT
Về Quy hoạch phát triển thủy lợi thành phố Hà Nội
đến năm 2020, định hướng đến năm 2030

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ 5

(Từ ngày 10/7/2012 đến ngày 13/7/2012)

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Sau khi xem xét Tờ trình số 35/TTr-UBND ngày 18/6/2012 của UBND Thành phố về việc đề nghị thông qua Quy hoạch hệ thống thủy lợi thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách HĐND Thành phố; báo cáo giải trình số: 93/BC-UBND ngày 06/07/2012 của UBND Thành phố; ý kiến thảo luận của các đại biểu HĐND Thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Quy hoạch phát triển thủy lợi thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, với những nội dung chủ yếu sau:

1. Quan điểm, mục tiêu và định hướng phát triển

1.1. Quan điểm

a. Phát triển hệ thống thủy lợi đảm bảo phục vụ đa mục tiêu với nhiệm vụ chính là cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, tiêu thoát nước, phòng chống lũ, đồng thời kết hợp phục vụ giao thông, du lịch, cảnh quan đô thị.

b. Phát triển thủy lợi hiện đại trên cơ sở ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong xây dựng, quản lý, vận hành.

c. Phát triển thủy lợi đảm bảo tính đồng bộ, kế thừa, ổn định, đáp ứng quá trình phát triển kinh tế - xã hội, phát triển nông nghiệp, đô thị hóa và xây dựng nông thôn mới.

d. Phát triển thủy lợi gắn với đảm bảo an ninh quốc phòng và bảo vệ môi trường.

1.2. Mục tiêu

a. Mục tiêu chung

- Quy hoạch thủy lợi Thành phố Hà Nội trong giai đoạn đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 đảm bảo khai thác, sử dụng và bảo vệ hiệu quả tài nguyên nước trên địa bàn Thành phố nhằm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống nhân dân, đảm bảo an ninh quốc phòng và bảo vệ môi trường trên địa bàn Thành phố;

- Làm cơ sở để xây dựng kế hoạch phát triển thủy lợi hàng năm, 5 năm và dài hạn.

b. Mục tiêu cụ thể

- Giai đoạn đến năm 2020:

+ Về cấp nước: đảm bảo cấp nước cơ bản cho sản xuất nông nghiệp trên địa bàn Thành phố; cấp nước tưới chủ động cho 112.715 ha bằng 90% diện tích yêu cầu tưới, trong đó có 92.120 ha diện tích đất trồng lúa, 8.169 ha diện tích trồng rau màu, hoa cây cảnh, 10.321 ha diện tích nuôi trồng thủy sản, 2.105 ha cây ăn quả và chè; góp phần tạo nguồn nước cấp cho dân sinh và cải tạo môi trường.

+ Về tiêu thoát nước: đảm bảo tiêu thoát nước cho 212.889 ha bằng 100% diện tích khu vực sản xuất nông nghiệp và dân cư nông thôn với lượng mưa từ 170 - 210 mm trong 1 ngày; 250 - 300 mm trong 3 ngày và lượng mưa từ 290–360 mm trong 5 ngày; cùng với hệ thống thoát nước đô thị đảm bảo tiêu thoát nước cho đô thị.

- Định hướng đến năm 2030:

+ Về cấp nước: Phát triển hệ thống thủy lợi đảm bảo cấp nước theo yêu cầu phát triển nông nghiệp với loại hình ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp đô thị sinh thái; phát triển hệ thống tưới hiện đại, tiết kiệm nước, tiết kiệm điện năng;

+ Về thoát nước: Phát triển hệ thống thủy lợi khớp nối với hệ thống thoát nước đô thị đảm bảo tiêu thoát nước cho 332.889 ha diện tích tự nhiên của Thành phố.

2. Nội dung quy hoạch

2.1. Phân vùng thủy lợi

- Vùng Hữu sông Đáy: gồm thị xã Sơn Tây và các huyện: Ba Vì, Thạch Thất, Phúc Thọ, Quốc Oai, Chương Mỹ và Mỹ Đức.

- Vùng Tả sông Đáy: gồm quận Hà Đông và các huyện: Đan Phượng, Hoài Đức, Từ Liêm, Thanh Trì, Thanh Oai, Ứng Hòa, Thường Tín và Phú Xuyên.

- Vùng Bắc Hà Nội: gồm quận Long Biên và các huyện: Mê Linh, Sóc Sơn, Đông Anh và Gia Lâm.

2.2. Quy hoạch cấp nước

a. Vùng hữu sông Đáy:

Diện tích yêu cầu tưới đến năm 2020 là 54.198 ha, trong đó: 38.490 ha đất trồng lúa, 4.743 ha đất trồng rau, màu, hoa cây cảnh, 3.514 ha đất nuôi trồng thủy sản và 7.450 ha đất trồng cây lâu năm, chè. Giải pháp cấp nước tưới như sau:

- Tiếp tục thực hiện dự án Tiếp nước, cải tạo sông Tích từ Lương Phú, xã Thuần Mỹ, huyện Ba Vì; cải tạo, nâng cấp đầu nối tuyến kênh trạm bơm tiêu Săn - kênh trạm bơm tiêu Thụy Đức để chuyển nước từ sông Tích sang bổ sung vào sông Đáy với lưu lượng 20m³/s;

- Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Xuân Phú (huyện Phúc Thọ) để lấy nước sông Hồng tưới cho 1.300 ha vùng bãi Phúc Thọ; xây dựng trạm bơm Phù Sa để lấy nước sông Hồng tưới cho 5.198 ha;

- Tiếp tục thực hiện dự án Cải tạo, nâng cấp hệ thống tưới trạm bơm Trung Hà tưới cho 5.300 ha thay thế nhiệm vụ tưới của hồ Suối Hai để chuyển hồ sang mục đích du lịch; Cải tạo, nâng cấp các trạm bơm Đức Môn, Áng Thượng, Tân Độ (huyện Mỹ Đức) thay thế nhiệm vụ tưới của hồ Quan Sơn để chuyển hồ sang mục đích du lịch;

- Xây mới một số trạm bơm ở các vùng chưa có công trình hoặc có công trình nhưng còn thiếu năng lực để đảm bảo sản xuất gồm: Đồng Tiến, Ngòi Lặt (huyện Ba Vì); Cẩm Yên 2 (Thạch Thất);

- Cải tạo, nâng cấp, hiện đại hóa hệ thống tưới cho các vùng chuyên canh rau, hoa, cây cảnh, cây ăn quả, chè các khu vực thuộc thị xã Sơn Tây và các huyện: Ba Vì, Phúc Thọ, Thạch Thất, Quốc Oai, Chương Mỹ và Mỹ Đức;

- Cải tạo, nâng cấp các hệ thống cấp nước cho các vùng nuôi trồng thủy sản tập trung ở các huyện: Ba Vì, Chương Mỹ, Quốc Oai và Mỹ Đức.

Sau quy hoạch, các công trình tưới trong vùng hữu sông Đáy đảm bảo tưới cho 44.679 ha, trong đó: 38.490 ha đất trồng lúa, 1.495 ha đất rau, màu, hoa cây cảnh, 3.514 ha đất nuôi trồng thủy sản và 1.180 ha đất cây quả và chè. Còn lại 9.519 ha chủ yếu là diện tích trồng cây ăn quả, cây lâu năm nằm ở đồi gò và một số diện tích rau, màu nằm rải rác ở bãi sông không bố trí công trình tưới tập trung.

b. Vùng tả sông Đáy:

Diện tích yêu cầu tưới đến năm 2020 là 45.190 ha, trong đó: 33.720 ha đất trồng lúa; 3.902 ha đất trồng rau, màu, hoa; 5.423 ha đất nuôi trồng thủy sản và 2.144 ha đất trồng cây lâu năm, cây ăn quả. Giải pháp cấp nước như sau:

- Xây dựng trạm bơm tiêu kết hợp tưới Liên Mạc công suất 70 m³/s và cải tạo, nạo vét trực chính sông Nhuệ để chủ động đưa nước sông Hồng vào sông Nhuệ phục vụ sản xuất và cải thiện môi trường nước sông Nhuệ;

- Cải tạo các trạm bơm lấy nước dọc sông Hồng gồm: Đan Hoài (huyện Đan Phượng) công suất 8,6m³/s; Hồng Vân (huyện Thường Tín) công suất 11 m³/s;

- Xây mới trạm bơm Thụy Phú II công suất 9,0 m³/s lấy nước sông Hồng để tưới cho vùng miền Đông và một phần miền Trung, Tây huyện Phú Xuyên; xây dựng trạm bơm Xóm Cát, huyện Ứng Hòa công suất 5,0 m³/s lấy nước sông Đáy tưới cho khu vực cuối kênh La Khê thuộc huyện Ứng Hoà;

- Cải tạo, nâng cấp, hiện đại hoá hệ thống tưới cho các vùng chuyên canh rau, hoa, cây ăn quả thuộc các huyện Từ Liêm; Đan Phượng, Hoài Đức, Thường Tín, Phú Xuyên, Thanh Oai;

- Cải tạo, nâng cấp các kênh tưới của các trạm bơm Hồng Vân, Cao Xuân Dương, Thái Bình, Xóm Cát, Thụy Phú II cấp nước cho các vùng nuôi trồng thủy sản tập trung ở Ứng Hoà, Phú Xuyên, Thanh Oai, Thường Tín.

Sau quy hoạch, các công trình tưới trong vùng tả Đáy đảm bảo tưới cho 42.863 ha, trong đó: 33.720 ha đất trồng lúa, 3.425 ha đất trồng rau, màu, hoa cây cảnh, 5.423 ha đất nuôi trồng thủy sản và 295 ha đất cây ăn quả. Còn lại 2.326 ha chủ yếu là diện tích cây ăn quả, cây lâu năm, rau màu nằm rải rác bãi sông không bố trí công trình tưới tập trung.

c. Vùng Bắc Hà Nội:

Diện tích yêu cầu tưới đến năm 2020 là 27.062 ha, trong đó: 19.910 ha đất trồng lúa, 4.559 ha đất trồng màu, rau, hoa, 1.384 ha nuôi trồng thủy sản và 1.210 ha đất trồng cây lâu năm, cây ăn quả. Giải pháp cấp nước như sau:

- Cải tạo, nâng cấp các trạm bơm lấy nước dọc sông Hồng: trạm bơm Thanh Diêm (huyện Mê Linh) công suất 15 m³/s; trạm bơm Áp Bắc (huyện Đông Anh) công suất 18 m³/s;

- Xây mới: trạm bơm Thụy Lôi (huyện Đông Anh) công suất 2,5 m³/s; trạm bơm Đồng Lạc (huyện Sóc Sơn) công suất 0,5 m³/s; trạm bơm Đình Thông (huyện Sóc Sơn) công suất 1,0 m³/s phục vụ cấp nước cho các khu vực khó khăn về nguồn nước;

- Cải tạo, nâng cấp các hồ chứa nhỏ thuộc huyện Sóc Sơn nhằm đáp ứng yêu cầu tưới và đảm bảo an toàn hồ chứa;

- Cải tạo, nâng cấp, hiện đại hóa hệ thống tưới cho các vùng chuyên canh sản xuất rau, hoa, cây cảnh tập trung tại Đông Anh, Gia Lâm, Mê Linh và Sóc Sơn;

- Cải tạo, nâng cấp các trạm bơm Tăng Long, Cẩm Hà, Tân Hưng nhằm cấp nước cho các vùng nuôi trồng thủy sản tập trung thuộc huyện Sóc Sơn.

Sau quy hoạch, các công trình tưới trong vùng Bắc Hà Nội đảm bảo tưới cho 25.172 ha, trong đó: 19.910 ha đất trồng lúa, 3.249 ha đất trồng rau, màu, hoa cây cảnh, 1.384 ha đất nuôi trồng thủy sản và 630 ha đất cây quả và chè. Còn lại 1.890 ha chủ yếu là diện tích trồng cây ăn quả, cây lâu năm nằm ở đồi gò và một số diện tích rau màu nằm rải rác ở bãi sông không bố trí công trình tưới tập trung.

2.3. Quy hoạch tiêu, thoát nước

a. Vùng hữu sông Đáy:

- Tiếp tục cải tạo nâng cấp các trạm bơm tiêu đã xuống cấp, thiếu công suất đã được phê duyệt: trạm bơm Hiệp Thuận (huyện Phúc Thọ), trạm bơm Săn (huyện Thạch Thất), trạm bơm Đông Yên (huyện Quốc Oai)...;

- Xây mới các trạm bơm tiêu tại các vùng đang bị ngập úng, năng lực công trình tiêu hiện có còn thiếu: trạm bơm Tây Đằng (huyện Ba Vì) công suất 4,5 m³/s tiêu cho 500 ha; trạm bơm Yên Sơn (huyện Quốc Oai); trạm bơm Cầu Đò (huyện Mỹ Đức); các trạm bơm: Hữu Văn, Sông Đào, Trại Cốc (huyện Chương Mỹ) và trạm bơm Khúc Bằng (huyện Chương Mỹ) công suất 40 m³/s để tiêu cho khu đô thị Xuân Mai;

- Cải tạo, nâng cấp kênh xả lũ hồ Đồng Mô, sông Hang, sông Cầu Dầm phục vụ tiêu thoát cho đô thị Sơn Tây; cải tạo ngòi Ngang, ngòi Địa, ngòi Vải Cỏ, ngòi Nà Mương để tiêu thoát cho khu đô thị Hòa Lạc;

- Thực hiện chuyển đổi 1.248 ha các vùng trũng, thấp thường xuyên bị úng ngập, khó khăn về tiêu thoát nước sang nuôi trồng thủy sản, gồm: 412 ha ở các xã Tiên Phong, Cam Thượng, Vật Lại, Cổ Đô, Vạn Thắng, Phú Đông, Phú Cường (huyện Ba Vì); 225 ha ở các xã Tốt Động, Trung Hoàng, Thanh Bình (huyện Chương Mỹ); 531 ha ở các xã Hợp Thanh, An Phú, Tuy Lai, Hùng Tiến (huyện Mỹ Đức); 80 ha ở vùng Hòa Thạch, Đông Yên (huyện Quốc Oai) và huyện Phúc Thọ.

Sau quy hoạch, diện tích tiêu nước chủ động qua công trình là 80.217 ha.

b. Vùng tả sông Đáy:

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án, công trình tiêu nước trong lưu vực hệ thống thủy lợi sông Nhuệ theo Quyết định 937/QĐ-TTg ngày 01/7/2009 của Thủ tướng Chính phủ;

- Nâng cấp trạm bơm Đào Nguyên 25 m³/s để cùng trạm bơm Yên Thái tiêu cho trên 3.770 ha diện tích trong lưu thuộc huyện Hoài Đức; Nâng cấp trạm bơm Ngoại Độ 1, để cùng với Ngoại Độ 2 tiêu chủ động cho 9.220 ha huyện Ứng Hòa;

- Xây mới trạm bơm Cao Viên (huyện Thanh Oai) công suất 24m³/s tiêu ra sông Đáy để cùng với các trạm bơm: Khê Tang 1, Khê Tang 2 tiêu nước cho 4.608 ha diện tích khu đô thị phía Nam Đường 6 của Hà Đông và các xã: Bích Hòa, Bình Minh, Cao Viên của huyện Thanh Oai; xây dựng trạm bơm Phú Minh tiêu ra sông Nhuệ để cùng các trạm bơm Lễ Nhuế, Gia Phú tiêu cho 3.000 ha khu đô thị Phú Minh (huyện Phú Xuyên); xây dựng trạm bơm tiêu Khai Thái 2 đảm bảo tổng công suất của lưu vực Khai Thái là 34m³/s;

- Nâng cấp, cải tạo, nạo vét các kênh, trục tiêu trong vùng;

- Thực hiện chuyển đổi 614 ha các vùng trũng thấp thường xuyên bị úng ngập, khó khăn về tiêu thoát nước sang nuôi trồng thủy sản; gồm: 155 ha vùng Tân Ước, Liên Châu, Hồng Dương, Dân Hòa (huyện Thanh Oai); 162 ha vùng Trung Tú, Đồng Tân (huyện Ứng Hòa); 87 ha thuộc xã Nghiêm Xuyên (huyện Thường Tín); 150 ha ở các xã Chuyên Mỹ, Hồng Thái (huyện Phú Xuyên); 60 ha ở xã Đại Áng (huyện Thanh Trì).

Sau quy hoạch, diện tích tiêu nước chủ động qua công trình là 95.326 ha.

c. Vùng Bắc Hà Nội:

- Cải tạo, nâng cấp các trạm bơm: Cẩm Hà, Tăng Long (huyện Sóc Sơn); trạm bơm tiêu Phương Trạch, Mạnh Tân, trạm bơm 19-5 (huyện Đông Anh); Dương Hà, Phù Đổng, Thịnh Liên (huyện Gia Lâm);

- Xây mới các trạm bơm: Xuân Kỳ (huyện Sóc Sơn) công suất 12,2 m³/s tiêu cho 1.110 ha; trạm bơm Kim Lũ (huyện Sóc Sơn) công suất 8,7 m³/s tiêu cho 793 ha; trạm bơm Văn Khê (huyện Mê Linh) giai đoạn 1 là 24 m³/s, để cùng các trạm bơm Tam Báo, Thường Lệ 1, 2 tiêu cho 6.950 ha; trạm bơm tiêu Vĩnh Thanh (huyện Đông Anh) công suất 45m³/s, cùng với trạm bơm Phương Trạch tiêu cho 6.495 ha; trạm bơm Long Từ (huyện Gia Lâm) công suất 85 m³/s tiêu ra sông Đuống cho 5.860 ha thay thế cho các trạm bơm hiện nay đang tiêu vào sông Ngũ Huyện Khê; trạm bơm Gia Thượng 10m³/s để tiêu ra sông Đuống cho khoảng 600 ha phía Bắc đường sắt, trạm bơm Cự Khối công suất 55m³/s để tiêu cho 2.900 ha ra sông Hồng;

- Nâng cấp, cải tạo, nạo vét các sông, suối, kênh trục tiêu trong vùng;

- Chuyển đổi 340 ha thuộc diện tích vùng trũng, thấp thường xuyên bị úng ngập, khó khăn về tiêu thoát nước chủ yếu thuộc vùng Đông Nam huyện Sóc Sơn sang nuôi trồng thủy sản.

Sau quy hoạch, diện tích tiêu nước chủ động qua công trình là 64.496 ha.

3. Các giải pháp chủ yếu thực hiện Quy hoạch:

3.1. Quản lý quy hoạch: Tổ chức công bố quy hoạch sau khi được phê duyệt. Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch; Xây dựng quy hoạch chi tiết phát triển thủy lợi các huyện, thị xã, các hệ thống thủy nông.

3.2. Xây dựng, ban hành các cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp, người dân tham gia xây dựng và quản lý khai thác hệ thống công trình thủy lợi.

3.3. Nâng cao năng lực quản lý nhà nước các cấp về lĩnh vực thủy lợi; Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý thủy lợi cơ sở; Cùng cố các tổ chức quản lý khai thác hệ thống công trình thủy lợi, các tổ đội thủy nông, hợp tác xã dùng nước; Xây dựng mô hình quản lý thủy nông cơ sở hiệu quả và bền vững, có sự tham gia trực tiếp của người hưởng lợi; Tăng cường công tác quản lý và xử lý các vi phạm Pháp lệnh khai thác và Bảo vệ công trình thủy lợi; Thực hiện cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao ý thức và trách nhiệm của chính quyền các cấp và cộng đồng xã hội trong việc quản lý, bảo vệ công trình thủy lợi.

3.4. Áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong xây dựng, quản lý, vận hành khai thác công trình thủy lợi; công nghệ tưới hiện đại, tiết kiệm nước, tiết kiệm điện năng. Ưu tiên áp dụng cho các khu chuyên canh rau, hoa, cây cảnh, cây ăn quả, vùng trồng lúa chất lượng cao.

3.5. Thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng đối với các khu vực khó khăn về nguồn nước từ trồng lúa sang cây trồng cạn và các vùng úng trũng sang nuôi trồng thủy sản theo quy hoạch phát triển nông nghiệp.

3.6. Xây dựng mới các công trình đầu mối, cải tạo nâng cấp công trình thủy lợi phục vụ nhiệm vụ cấp nước, tiêu thoát nước, cải thiện môi trường và phòng chống thiên tai do nước gây ra.

4. Vốn, nguồn vốn đầu tư

4.1. Vốn, nguồn vốn đầu tư: Dự kiến tổng nhu cầu vốn đầu tư phát triển hệ thống thủy lợi đến năm 2020 khoảng 64.292 tỷ đồng (vốn có nguồn gốc từ ngân sách khoảng 46.132 tỷ đồng chiếm 72%), trong đó: giai đoạn đến năm 2015 khoảng 24.907 tỷ đồng, giai đoạn 2016-2020 khoảng 39.385 tỷ đồng.

4.2. Huy động vốn đầu tư: Nguồn vốn đầu tư thực hiện dự án theo quy hoạch chủ yếu được huy động từ nguồn vốn ngân sách, nguồn vốn trái phiếu Chính phủ; Tranh thủ huy động từ các nguồn vốn ODA, BT trong khả năng cho phép và các nguồn vốn hợp pháp khác cho các dự án trong lĩnh vực tiêu thoát nước, bảo vệ môi trường và kết hợp chỉnh trang đô thị.

Điều 2.

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố nghiên cứu, tiếp thu ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách nêu tại báo cáo số 34/BC-HĐND ngày 29/6/2012 và ý kiến của đại biểu HĐND Thành phố tại kỳ họp để rà soát, bổ sung, hoàn thiện bản quy hoạch trước khi phê duyệt, tập trung vào một số nội dung chính sau:

a. Bổ sung phương án quy hoạch cấp nước tưới cho một số vùng bãi lớn tại huyện Từ Liêm (bãi Thượng Cát-Liên Mạc: 70 ha), huyện Đông Anh (bãi Vĩng La-Đại Mạch: 80 ha, bãi Hải Bối-Tâm Xá-Xuân Canh: 250 ha), huyện Chương Mỹ (bãi Phụng Châu: 250 ha), quận Long Biên (bãi Lâm Du: 230 ha, bãi Cự Khôi-

Đông Du: 300 ha) và phương án quy hoạch cấp nước tưới cho vùng nuôi trồng thủy sản tập trung tại huyện Ứng Hòa (Trung Tú: 450 ha), huyện Phú Xuyên (Chuyên Mỹ: 100 ha), huyện Đông Anh (350 ha), huyện Sóc Sơn (300 ha); Bổ sung các phương án (kịch bản) chủ động giải quyết tình huống thời tiết cực đoan như: nước sông dâng cao, mưa lớn nhiều ngày gây úng ngập trên diện rộng, hoặc trường hợp hạn hán, các hồ thủy điện thượng nguồn xả nước ít, dòng sông cạn kiệt... Bổ sung giải pháp trữ nước mưa (bằng hệ thống hồ, đập) để phục vụ tưới.

b. Xác định cụ thể hơn: Yêu cầu, giải pháp khắc phục ô nhiễm môi trường nước tại một số con sông có nhiệm vụ cấp nước tưới cho vùng sản xuất chuyên canh (rau sạch, hoa, thủy sản); Giải pháp tối ưu trong điều kiện khó khăn về nguồn nước trên hệ thống sông Hồng khi mực nước ngày càng thấp, đặc biệt trong mùa kiệt, nhằm khắc phục tối đa việc sử dụng hệ thống bơm 3-4 cấp như hiện nay; Giải pháp tối ưu đối với kịch bản biến đổi khí hậu tiêu cực, nước lũ dâng cao tại các dòng sông, các trạm bơm không hoạt động được, tính kết nối với quy hoạch thoát nước đô thị để đảm bảo lựa chọn tuyến thoát nước bảo vệ an toàn cho Thủ đô; Quy hoạch một số dòng sông vừa đảm bảo chức năng tưới và tiêu thoát nước vừa kết hợp phục vụ giao thông, du lịch, cảnh quan đô thị.

c. Rà soát kỹ, sắp xếp thứ tự các dự án ưu tiên đầu tư theo từng giai đoạn (đến 2015 và giai đoạn 2016-2020) để đảm bảo tính khả thi về nguồn vốn, phù hợp với mục tiêu cụ thể quy hoạch đề ra, đặc biệt đối với các công trình dự kiến sử dụng nguồn vốn BT đã có văn bản chấp thuận chủ trương của Thành phố.

2. Giao UBND Thành phố: phê duyệt Quy hoạch phát triển thủy lợi thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 và tổ chức thực hiện Quy hoạch theo quy định; Kiến nghị Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương những nội dung liên quan đã đề xuất trong Quy hoạch.

3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban HĐND, các tổ đại biểu và các đại biểu HĐND Thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được HĐND thành phố Hà Nội khóa XIV thông qua tại kỳ họp thứ 5./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Kinh tế của Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu UBTWQH;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Nông nghiệp và PTNT, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn ĐB Quốc hội TP Hà Nội;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQ Thành phố;
- Đại biểu HĐND Thành phố;
- Văn phòng Thành ủy, các Ban Đảng thuộc TU;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH & HĐND TP, VP UBND TP;
- Các sở, ban, ngành Thành phố;
- TT HĐND, UBND quận, huyện, thị xã;
- Trung tâm Công báo Thành phố;
- Đài PTTH Hà Nội, Báo HNM, Báo KTĐT;
- Lưu: VT, Ban KTNS. *h*

CHỦ TỊCH



Ngô Thị Doãn Thanh